TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2025
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bảo Hiền.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2025/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Bé X, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Bé X trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn B tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Trong

thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, tính tình hai bên không còn phù hợp. Mặc dù đã được gia đình hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn B.

Về nuôi con chung: có 02 người tên Huỳnh Văn K, sinh ngày 01/01/1998 và Huỳnh Nhã L, sinh ngày 09/12/2011. Sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn B đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Huỳnh Văn B vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa bà Trần Bé X vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Văn B vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn B.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Bé X và ông Huỳnh Văn B tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 114 năm 2010 đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Bà Xnhận thấy cuộc sống của ông bà có nhiều bất hòa, hôn nhân không còn hạnh phúc nên Bà Xyêu cầu ly hôn, ông Bkhông có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của Bà Xvà ông Blà có xảy ra, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho ông bà. Xét thấy, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Bé X, Bà Xđược ly hôn với ông Huỳnh Văn B.

[3] Về nuôi con chung: có 02 người tên Huỳnh Văn K, sinh ngày 01/01/1998 và Huỳnh Nhã L, sinh ngày 09/12/2011. Sau khi ly hôn Bà Xyêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông Huỳnh Văn B không có ý kiến về yêu cầu nuôi con của bà X. Đối với cháu Huỳnh Nhã L có nguyện vọng sống cùng ông B. Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của cháu Lam. Ông Bđủ điều kiện nuôi con nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định để ông Btiếp tục nuôi

dưỡng cháu Huỳnh Nhã L, sinh ngày 09/12/2011. Đối với Huỳnh Văn K đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng không đặt ra xem xét. Bà Xcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Bé X phải chịu 300.000 đồng. Bà Xđã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015410 ngày 27/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Bé X, bà Trần Bé X được ly hôn với ông Huỳnh Văn B.

Về nuôi con chung: Ông Huỳnh Văn B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nhã L, sinh ngày 09/12/2011.

Bà Trần Bé X có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của ông Huỳnh Văn B.

Về chia tài sản: Không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Bé X phải chịu 300.000 đồng. Bà Xđã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015410ngày 27/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- UBND xã T, huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương